

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 40/2025/HSPT
Ngày: 17/01/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2/ Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 512/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2025/QĐXXPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh L.** Giới tính: Nam

Sinh năm: 1973, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ D, khu phố D, phường T, TP B, Đồng Nai.

Trình độ học vấn: Lớp 7/12.

Nghề nghiệp: Tài xế. Chức vụ: Không

Họ tên cha: Trần Văn L1, sinh năm 1937.

Họ tên mẹ: Trần Thị N, sinh năm 1947.

Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ năm.

Họ tên vợ: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980. Bị cáo có 02 con sinh năm 2001 và năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/7/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. L chấp hành đóng án phí ngày 08/9/2003.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị đơn dân sự kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Trường T1, sinh năm 1972

Địa chỉ: A, khu phố B, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1966

Địa chỉ: C khu phố N, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại: Chị Hoàng Thanh H1, sinh năm 2003

Địa chỉ: C khu phố N, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, người đại diện theo uỷ quyền của bị hại có mặt; bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh L có giấy phép lái xe hạng C, là lái xe do bà Nguyễn Thị Trường T1 thuê. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, Trần Thanh L điều khiển xe ô tô tải ben biển số 60C-444.40 lưu thông trên đường P từ V ra đi hướng Công viên B (đường D). Khi L điều khiển xe ô tô đến ngã ba giao nhau giữa đường P và đường D thuộc khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì đèn tín hiệu giao thông chuyển màu xanh. L điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải vào đường P (đường E cũ) để về hướng đường Đ. Do L điều khiển xe ô tô biển số 60C-444.40, lưu thông chuyển hướng thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn nên đã để cản trước bên phải đầu xe ô tô biển số 60C-444.40 va chạm vào đuôi xe mô tô biển số 60-486. TN do bà Nguyễn Thị Thanh H điều khiển đang lưu thông cùng chiều phía trước theo hướng ngã tư V đi Công viên B gây tai nạn làm xe mô tô bị cuốn vào gầm xe ô tô, bà H bị đầu xe ô tô va chạm ngã xuống đường. Hậu quả: Bà Nguyễn Thị Thanh H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 92%.

Quá trình điều tra, Trần Thanh L thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường đã thu thập được các dấu vết như sau: Tất cả các dấu vết đều thu thập được đo vào mép đường bên phải đường P theo hướng ngã ba đường P và đường D đi về hướng đường Đ (gọi tắt là lề phải).

Mốc là trụ điện số 25 nằm bên trái đường P theo hướng ngã ba đường P và đường D đi đường Đ.

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là ngã ba giao nhau giữa đường P và đường D, có tổ chức giao thông đi theo tín hiệu đèn. Đoạn đường P từ hướng ngã tư V đến ngã ba giao với đường D có vạch sơn vàng đôi liền nét (vạch 1.3) chia làm hai chiều lưu thông, chiều đi từ ngã tư V đến ngã ba có 03 làn xe, chiều rộng từng làn tính từ phải qua lần lượt là 2m45, 3m45 và 3m45, có biển báo giao nhau có tín hiệu đèn (W209), biển báo giao nhau với đường không ưu tiên (W207b); đoạn đường P từ hướng ngã ba ra đường Đ có vạch sơn vàng đứt nét (vạch 1.1), ở giữa chia làm hai chiều lưu thông, chiều đi từ ngã ba ra đường Đ mặt đường rộng 4m90, có biển báo cấm xe ô tô tải trọng tải 2,5 tấn theo khung giờ 06: 08; 11:13; 16:18, chiều ngược lại mặt đường rộng 5m60.

Vị trí dấu vết được đánh số và mô tả như sau:

+ Số 1 là vị trí xe mô tô biển số 60.486.TN ngã nghiêng bên phải sau tai nạn, đầu xe quay hướng ra ngã ba, đuôi xe quay hướng ra đường Đ. Trục bánh xe phía

trước cách mốc là 08m10, cách lề phải 05m35. T trục bánh sau xe cách lề phải 04m60.

+ Số 2 là vị trí xe ô tô tải biển số 60C-444.40 dừng trên đường sau tai nạn, đầu xe quay hướng ra đường Đ, đuôi xe quay hướng ra ngã ba. T trục bánh xe trước bên phải xe cách lề phải là 03m00, tâm trục bánh sau bên phải cách lề phải 02m95, tâm trục bánh xe phía ngoài thứ 2 bên trái cách tâm trục bánh xe phía sau của xe số 1 là 0m80.

+ Số 3 là vị trí vết máu nạn nhân để lại trên mặt đường, kích thước 27cmx32cm, tâm vết máu cách lề phải là 06m20, cách tâm trục bánh xe phía trước của xe số 1 là 01m40.

+ Số 4 là vị trí vết cày bong tróc nhựa liên tục trên đường của xe số 1 chiều hướng từ ngã ba ra đường Đ, chiều dài tính từ đầu vết đến góc chân xe số 1 là 19m10, đầu vết cách lề phải là 5m25.

- Tại Bản Kết luận giám định số 663/KL-KTHS ngày 04/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 60C-444.40 và xe mô tô biển số 60.486. TN như sau:

+ Dấu vết trượt, mất sơn màu xám và dính chất màu đen tại bên phải cản trước của xe ô tô tải ben BKS: 60C-444.40 có chiều từ trước ra sau; phù hợp với dấu vết nứt vỡ, biến dạng chụp đèn phanh phía sau và dính chất màu xám của xe mô tô BKS: 60-486. TN có chiều từ sau ra trước.

+ Ngoài va chạm với nhau, không phát hiện dấu vết va chạm của xe ô tô tải ben BKS: 60C-444.40 và xe mô tô BKS: 60-486. TN với phương tiện khác trong quá trình xảy ra sự việc.

- Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 0405/KLTTHS-TTPYĐN ngày 23/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận thương tích của Nguyễn Thị Thanh H như sau:

1. Các kết quả chính: (Khám giám định, khám chuyên khoa, cận lâm sàng)
 - Sẹo vùng giữa sống mũi kích thước 01x0,1cm. Tỷ lệ: 03%
 - Sẹo vết thương trùng với vết mổ thành bụng phải dài 13cm, rộng nhất 02cm hẹp nhất 0,3 cm. Tỷ lệ: 03%
 - Sẹo vùng bẹn phải kích thước 5,5x0,5cm. Tỷ lệ: 02%.
 - Sẹo mổ đường trắng giữa trên dưới rốn kích thước 16x0,3cm. Tỷ lệ: 02%.
 - Sẹo mổ dẫn lưu hố chậu phải kích thước 1,5x0,5cm. Tỷ lệ: 01%.
 - Vết mổ đang liền sẹo vùng hông phải dài 8,5cm, rộng nhất 1,5cm và hẹp nhất 0,3 cm. Tỷ lệ: 03%.
 - Sẹo vết thương trùng với vết mổ dưới khớp mu đến vùng bẹn phải dài 16cm rộng nhất 1,5cm và hẹp nhất 0,3cm còn nhét mép kích thước 04cm. Tỷ lệ: 03%.
 - Sẹo khớp mu kích thước 06x0,3cm. Tỷ lệ: 02%.
 - Sẹo mổ dẫn lưu hố chậu trái kích thước 01x0,5 cm. Tỷ lệ: 01%.
 - Sẹo bẹn trái (1/3 trên mặt trước đùi trái) kích thước 04x0,2cm. Tỷ lệ: 01%.

- Vết biến đổi sắc tố da mặt trước đùi phải. Tỷ lệ: 0,5%.
- Sẹo vết thương môi lớn bên phải kích thước 03x0,2cm; không gây biến dạng. Tỷ lệ: 01%.
- Sẹo vết thương môi lớn bên trái kích thước 03x0,2cm; không gây biến dạng. Tỷ lệ 01%.
- Gãy xương chính mũi, vách ngăn mũi không ảnh hưởng chức năng thở. Tỷ lệ: 07%.
- Gãy thành xoang hàm phải không di lệch. Tỷ lệ: 07%.
- Gãy cánh chậu phải. Tỷ lệ: 16%.
- Gãy cánh chậu trái. Tỷ lệ: 16%.
- Gãy xương mu trái (củ mu trái). Tỷ lệ: 11%.
- Gãy mỏm ngang đốt sống L1-L2-L4 bên trái. Tỷ lệ: 15%.
- Cắt đoạn hồi - manh tràng dưới 01 mét. Tỷ lệ: 46%.
- Cắt đoạn đại tràng Sigma 20cm (đại tràng trái). Tỷ lệ: 61%.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Thanh H - 1966 tại thời điểm giám định là: 92% (Chín mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vật chứng:
 - + 01 đĩa DVC chứa đoạn video hình ảnh vụ tai nạn giao thông (Lưu giữ tại hồ sơ). (Bút lục số: 53).
 - + 01 giấy phép lái xe hạng C số 750009000467 mang tên Trần Thanh L.
 - + 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) là tiền bị can Trần Thanh L và bà Trần Thu H2 chủ xe ô tô biển số: 60C-444.40 giao nộp để khắc phục hậu quả cho bị hại. (Bút lục số: 97-98).
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ và giao trả:
 - + 01 xe mô tô biển số 60.486.TN cho Hoàng Thanh H1 (Đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu).
 - + 01 xe ô tô tải biển số: 60C-444.40, 041 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số: 60C-444.40 số 003867 cho chị Nguyễn Thị Trường T1 (Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thu H2).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 563/2024/HSST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589, Điều 590, Điều 593, Điều 601 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 26/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Buộc bà Nguyễn Thị Trường T1 bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 427.852.697 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm chín mươi bảy đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo, bà T1 đã giao nộp 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) tại Cơ quan điều tra (Biên lai thu tiền số 0002740 ngày 27/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà). Bà T1 còn phải bồi thường thêm cho bà H 261.852.697 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm chín mươi bảy đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Trường T1 phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H tiền lương, thu nhập bị mất mỗi tháng 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) từ ngày 23/10/2024 cho đến khi bà H chết.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/10/2024, bị cáo Trần Thanh L kháng cáo, đề nghị Toà án sửa toàn bộ bản án, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Thanh H; Ngày 28/10/2024, bà Nguyễn Thị Trường T1 kháng cáo, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T1, không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:**

Ngày 25/10/2024, 28/10/2024 bị cáo Trần Thanh L và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thị Trường T1 kháng cáo toàn bộ bản án về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự. Kháng cáo của bị cáo L và bà T1 trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ. Bà T1 xin hoãn phiên tòa nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về tội danh và hình phạt: Trong vụ án này, bị cáo L tham gia thông thiếu chú ý quan sát, rẽ phải chuyển hướng không đảm bảo an toàn nên xe va chạm vào xe do bà Nguyễn Thị Thanh H điều khiển. Hậu quả, bà H bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 92%. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8 và khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức án 01 (một) năm 06 (bốn) tháng tù cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm đã buộc bà Nguyễn Thị Trường T1 phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 427.852.697 đồng và buộc bà T1 phải bồi thường cho bà H tiền lương, thu nhập bị mất (theo yêu cầu bị hại) là 2.340.000 đồng/tháng từ ngày 23/10/2024 cho đến khi bà H chết là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Cả bị cáo, bị đơn dân sự đều kháng cáo không đồng ý bồi thường là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Thủ tục kháng cáo: Bị cáo Trần Thanh L và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thị Trường T1 kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Bị đơn dân sự là bà Nguyễn Thị Trường T1 có đơn xin hoãn phiên tòa do hiện nay đang ở ngoài Bắc để tranh thủ mua bán trong dịp Tết, trong thời gian đến Tết nguyên đán, bà T1 không thể có mặt tại Đồng Nai và tham dự phiên tòa xét xử của Tòa án được.

Qua xem xét đơn xin hoãn phiên tòa của bà T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T1 trình bày đang ở ngoài Bắc nhưng đơn xin hoãn phiên tòa được gửi từ TP D, tỉnh Bình Dương. Bà T1 làm đơn xin hoãn phiên tòa ngày 14/01/2025, sáng cùng ngày người thân của bà T1 mang nộp đơn xin hoãn phiên tòa. Người thân của bà T1 (người nộp thay đơn xin hoãn phiên tòa) lúc thì cho biết đơn được bà T1 gửi qua đường bưu điện, lúc thì cho biết đơn gửi theo xe, lời trình bày không thống nhất. Điều này chứng tỏ bà T1 viện dẫn đang ở ngoài miền B để hoãn phiên tòa là không chính xác. Hơn nữa, lý do bà T1 đưa ra là đang bận buôn bán để xin hoãn phiên tòa cũng không phải lý do chính đáng, không phải lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, tại ngã ba giao nhau giữa đường P và đường D thuộc khu phố B, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai, Trần Thanh L điều khiển xe ô tô biển số 60C-444.40, lưu thông chuyển hướng từ đường P (hướng ngã tư V đi Công viên B) rẽ phải qua đường P (đường E cũ hướng ra đường Đ) thiếu chú

ý quan sát, không đảm bảo an toàn nên đã để cản trước bên phải đầu xe ô tô biển số 60C-444.40 va chạm vào đuôi xe mô tô biển số 60-486.TN do bà Nguyễn Thị Thanh H điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước theo hướng ngã tư V đi Công viên B gây tai nạn. Hậu quả: Bà Nguyễn Thị Thanh H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 92%.

Theo biên bản hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác trong hồ sơ, lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Trần Thanh L khi điều khiển xe chuyên hướng đã thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn, vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8 và khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ dẫn đến gây tai nạn cho bà Nguyễn Thị Thanh H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 92%.

Hành vi của bị cáo Trần Thanh L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo và bị đơn dân sự, nhận thấy:

- Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo: Trong quá trình lưu thông, bị cáo đã không chấp hành Luật Giao thông đường bộ dẫn tới tai nạn giao thông làm cho bà Nguyễn Thị Thanh H bị thương với tỷ lệ 92%. Lỗi dẫn đến tai nạn giao thông thuộc hoàn toàn về bị cáo. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, mà còn ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Ngoài ra, năm 2003 bị cáo đã từng bị Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không biết lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà lại tiếp tục điều khiển xe ô tô thiếu chú ý quan sát, gây tai nạn. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với hành vi phạm tội, đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cũng không có căn cứ cho bị cáo được hưởng án treo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại tha thiết xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù xuống còn 01 năm tù. Lý do: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã đưa bà H vào bệnh viện kịp thời nên bà H mới còn sống. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã tích cực đưa bị hại đi cấp cứu kịp thời; gia đình bị hại mong muốn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Bị cáo, bị đơn dân sự kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại.

Quá trình xét xử sơ thẩm, bị hại Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu bà Nguyễn Thị Trường T1 bồi thường cho bà H 481.052.697 đồng và tiền lương, thu nhập bị mất

mỗi tháng là 2.340.000 đồng (01 tháng lương cơ bản) từ ngày 23/10/2024 cho đến khi bà H chết.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét và chấp nhận các khoản sau:

- 1/ Tiền điều trị, khám chữa bệnh: 126.052.697 đồng (có hoá đơn, chứng từ).
- 2/ Tiền bồi thường xe bị hư hỏng: 10.000.000 đồng (xe bị hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng).
- 3/ Tiền lương, thu nhập bị mất tính đến ngày xét xử 22/10/2024: 92.000.000 đồng.
- 4/ Tiền bồi dưỡng sức khoẻ: 41.400.000 đồng.
- 5/ T2 thuê người chăm sóc: 41.400.000 đồng.
- 6/ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 117.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T1 phải bồi thường cho bà H số tiền 427.852.697 đồng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn buộc bà T1 phải bồi thường cho bà H tiền lương, thu nhập bị mất (theo yêu cầu bị hại) là 2.340.000 đồng/tháng từ ngày 23/10/2024 cho đến khi bà H chết.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo Trần Thanh L đã có hành vi vi phạm Luật giao thông đường bộ dẫn đến tai nạn khiến bà H bị tổn thương cơ thể 92%, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 589, Điều 590, Điều 601 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 26/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để chấp nhận các khoản bồi thường thiệt hại nêu trên của bị hại Nguyễn Thị Thanh H là có cơ sở.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà T1 là người thuê bị cáo L lái xe nên cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thanh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 584 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 26/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo Trần Thanh L và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thị Trường T1 đều kháng cáo không đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thanh H là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Trần Thanh L không phải nộp án phí HSPT. Do không chấp nhận kháng cáo nên bà T1 phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004573 ngày 05/11/2024 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh L về việc xin giảm hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo; một phần kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị đơn dân sự bà Nguyễn Thị Trường T1 về vấn đề bồi thường thiệt hại.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 563/2024/HSST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do khách quan.

2/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh L 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 468, 584, 589, 590, 593, 601 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 26/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Buộc bà Nguyễn Thị Trường T1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 427.852.697 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm chín mươi bảy đồng), được trừ vào số tiền bị cáo, bà T1 đã giao nộp 166.000.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) tại Cơ quan điều tra (Biên lai thu tiền số 0002740 ngày 27/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà). Bà T1 còn phải bồi thường thêm cho bà H 261.852.697 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm chín mươi bảy đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Trường T1 phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H tiền lương, thu nhập bị mất mỗi tháng 2.340.000 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) từ ngày 23/10/2024 cho đến khi bà H chết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Bị cáo Trần Thanh L không phải nộp án phí HSPT; bà T1 phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004573 ngày 05/11/2024 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận;

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án ND TP Biên Hòa;
- Viện kiểm sát ND TP Biên Hòa;
- CQCSĐT CA TP Biên Hòa;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Bị cáo, các DS;
- Sở TP tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Trung